

Bản án số: 169/2021/HS-ST
Ngày 27-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Tuấn

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 159/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Văn L (tên gọi khác Bùi Phương L1), sinh năm 197X tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam (đã phẫu thuật chuyển giới); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn T và con bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và không có con chung nhưng có 01 con nuôi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/6/2012 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/QĐ-VKS-P2 tại bệnh viện pháp y tâm thần Trung ương từ ngày 15/6/2012 đến ngày 22/12/2013 bị cáo bỏ trốn khỏi bệnh viện; bị cáo bị tạm giữ ngày 31/3/2021 đến ngày 08/4/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị H- Luật sư Văn phòng Luật sư Tâm Nhân và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Xuân H; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 45 phút ngày 06/9/2007, tại khu vực đường 10 (cũ) thuộc thôn P, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng kết hợp với Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an bắt quả tang các đối tượng Phạm Thị D, sinh năm: 196Y, trú tại: Đường L, quận N, thành phố Hải Phòng; Bùi Thị L, sinh năm: 196V, trú tại: Khu H phường H, thành phố M, tỉnh Q và Nguyễn Thị H, sinh năm: 198N, trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng có hành vi *Mua bán trái phép chất ma túy*. Tang vật thu giữ: 645 viên nén hình tròn màu hồng cùng một số vật chứng liên quan.

Tại Kết luận giám định số 339/MT ngày 07/9/2007 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *645 viên nén màu hồng thu được đều có thành phần MDMA, khối lượng 189,02 gam*.

Căn cứ lời khai Bùi Thị L và Nguyễn Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Bùi Văn L nhưng L bỏ trốn. Khám xét nơi ở của Bùi Văn L, Cơ quan điều tra đã thu giữ trong buồng ngủ của L 02 điện thoại di động; thu trong tủ quần áo của L 01 ví da bên trong có 01 viên nén hình tròn màu vàng nhạt qua giám định có thành phần MDMA, khối lượng 0,27 gam; 345 túi nilon màu trắng; 01 hộ chiếu; 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh và 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn L.

Kết quả điều tra xác định được: Khoảng gần 1 tháng trước 06/9/200, L1 là người quen của Phạm Thị D đến gặp D nói có khách cần mua từ 1.000 đến 5.000 viên thuốc lắc (MDMA) với giá 80.000 đồng/viên. D gọi điện cho Bùi Thị L nói có khách cần mua 1.000 viên thuốc lắc với giá 80.000 đồng/viên, cắt lại cho L1 và D 8.000 đồng/viên. L gọi điện cho Bùi Văn L (em trai của L) thông báo về việc có khách hỏi mua thuốc lắc, L báo giá 70.000 đồng/viên. L gọi điện cho D thông báo thuốc lắc giá 72.000 đồng/viên. Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 06/9/2007, L gọi điện thoại báo đã có thuốc lắc và bảo L báo khách về Hải Phòng lấy. L, D đi xe khách từ Móng Cái về thị trấn Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng vào khoảng 16 giờ cùng ngày, L xuống xe về nhà L còn D về Hải Phòng tìm L1.

L đến nhà L gọi điện thoại cho Nguyễn Thị H (là bạn gái của Toàn cháu L - đang thi hành án phạt tù tại Quảng Ninh) sang nhà L chơi thì L sẽ cho H 1.000.000 đồng để H đi thăm Toàn. Sau đó L về nhà gặp L và thông báo hiện chỉ có 750 viên thuốc lắc, L bảo có bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Một lúc sau thì H đi xe máy đến nhà L, cả ba ngồi uống nước và nói chuyện, L bảo H đi cùng với đi L để giao cho 750 viên thuốc lắc và nhận tiền 60.000.000 đồng của khách, cắt lại cho đi L 7.500.000

đồng còn lại cầm về cho L. L bảo L phải có mẫu để cho khách xem, thì L đưa cho L 02 viên thuốc lắc màu hồng gói trong giấy vệ sinh màu trắng, L cầm đưa cho H và bảo H chở L đi gặp D tại quán café DIVA888 bên đường 10 cũ thuộc xã Thủy S, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Vài phút sau thì L1 cũng đến. Cả bốn người gồm: L, H, D, L1 vào phòng karaoke trên tầng 2 của quán để nói chuyện, L nói chỉ có 750 viên, L1 đồng ý mua. L1 bảo cho xem mẫu thuốc lắc thì H lấy ra 02 viên thuốc lắc màu hồng nhặt đưa cho L1 xem. Sau khi xem mẫu, L1 đồng ý và cất 02 viên thuốc lắc vào ví rồi hỏi các chị lấy tiền đô la Mỹ hay tiền Việt Nam? L, H bảo lấy tiền Việt Nam cho dễ. L1 bảo phải đợi để L1 đón 02 người khách từ miền Nam ra nhận hàng và đổi tiền. D bảo H đi ra ngoài phòng để L, D và L1 bàn chuyện riêng. Khi H ra ngoài, thì D, L, L1 thống nhất bán thuốc lắc cho khách giá 80.000 đồng/1 viên, trả L 70.000 đồng/1 viên, được lãi 10.000 đồng/1 viên thì D được 5.000 đồng/1 viên, L1 được 3.000 đồng/1 viên. L được 2.000 đồng/1 viên. Sau đó L1 ra khỏi quán và lên 01 xe máy do một phụ nữ (không rõ lai lịch, địa chỉ) đã chờ sẵn, D đi ăn quà vặt ở gần đó còn H chở L về nhà L. Tại nhà L, L nói với L: Còn phải đợi khách đi máy bay từ miền Nam ra nhận hàng trực tiếp đồng thời L nói, L được chia lãi ít, đề nghị L cho L 1.000.000 đồng hoặc 500.000 đồng để L cho H như đã hứa, nhưng L không đồng ý. L đưa cho H 01 chiếc điện thoại di động để liên lạc với L khi đi giao ma túy. Sau đó H chở L đi gặp D rồi cả ba người ngồi ở bãi đất trống bên cạnh đường 10 cũ đợi L1. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, L1 đi cùng hai người đàn ông đến đưa tiền cho H đếm. H đếm và nhận đủ 60.000.000 đồng. Lúc này, người đàn ông hỏi hàng đâu? H bảo chờ một tí; người đàn ông cầm lại số tiền trên và bảo khi nào có hàng thì mới giao tiền. H đi ra ngoài đường gọi điện cho L giục mang ma túy đến và đứng đợi. Một lúc sau, L đi xe máy, phía sau chở S đến và đưa cho H 01 vỏ hộp sâm và 01 vỏ bao thuốc lá trong chứa ma túy. H cầm số ma túy trên quay lại đưa cho một trong hai người khách mua ma túy, người này đổ các viên thuốc lắc để đếm, D dùng bật lửa soi cho khách kiểm tra ma túy. Ngay lúc đó, Cơ quan Công an bắt quả tang các đối tượng D, L, H về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và thu giữ được số ma túy là 645 viên thuốc lắc. Riêng đối tượng L1 và hai người đàn ông mua ma túy bỏ chạy thoát.

Tại Cơ quan điều tra, xét hỏi các đối tượng Phạm Thị D, Bùi Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Nguyễn Xuân S là người giúp việc và bán thuê điện thoại cho L khai nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/9/2007, S đang ở nhà L thì có L (chị gái L) đến, lúc này L không có ở nhà, một lúc sau L về gặp L bàn chuyện gì S không biết. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, L bảo S: “Mày đi với chú lên đây uống nước”, S ngồi sau xe máy Nouvo của L đi qua Núi Đèo về phía Hải Phòng qua quán cà phê DIVA888 một đoạn thì quay lại, ngay lúc đó L có điện thoại, S nghe thấy L nói qua điện thoại: “Mày đang ở chỗ nào”, nghe xong điện thoại L tiếp tục đi xe máy

từ từ đến bãi đất trống bên trái đường thấy H vẫy tay, L dừng xe lại, H chạy đến, S thấy L lấy từ hộc ở đầu xe Nouvo ra một hộp trà sâm và một vỏ bao thuốc lá đưa cho H, H cầm chạy sang bãi đất trống, khoảng chưa đầy một phút thì công an ập đến chỗ H. L điều khiển xe chở S chạy về nhà, trên đường đi L nói với S: “Không được rồi bà L và cái H bị bắt nên tao phải đi đây, tao không ở nhà được”, L chở S đến cửa nhà, S xuống xe còn L đi đâu S không biết. S không biết và không tham gia vào việc L, L, H mua bán ma túy.

Bản án số 768/2008/HSPT ngày 22/10/2008 Toà phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân Tối cao tuyên giữ nguyên hình phạt tại Bản án số 104/2008/HSST ngày 25/7/2008, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; xử phạt Phạm Thị D 17 năm tù, Bùi Thị L 16 năm tù, Nguyễn Thị H 14 năm tù đều về tội *Mua bán trái phép chất ma túy* theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với Bùi Văn L sau khi gây án bỏ trốn, ngày 25/9/2007 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can, Quyết định truy nã và Tạm đình chỉ điều tra bị can đối với L về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*.

Ngày 08/01/2012, gia đình Bùi Văn L nộp đơn xin đầu thú cho L đồng thời thông báo L bị mắc bệnh tâm thần do chấn thương sọ não trong tình trạng không nói và không viết được; gia đình đưa L vào chữa bệnh tại Bệnh viện tâm thần Hải Phòng.

Tại Bản kết luận Giám định pháp y tâm thần số 13/2012/KL-HĐGD ngày 03/5/2012 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần thành phố Hải Phòng kết luận: *Bùi Văn L hiện nay có mắc bệnh tâm thần: Bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm (theo bảng phân loại quốc tế (ICD) lần X có mã F41.2). Bệnh làm Bùi Văn L hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Bệnh cần theo dõi và điều trị lâu dài.*

Ngày 11/6/2012, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc số 01/QĐ-VKS-P2 đối với Bùi Văn L tại Viện giám định pháp y tâm thần TW. Ngày 18/6/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với L.

Ngày 16/12/2013 Viện giám định pháp y tâm thần TW có công văn số 525/VGD thông báo tình trạng bệnh tâm thần của Bùi Văn L ở giai đoạn ổn định. Ngày 23/12/2013 Viện giám định pháp y tâm thần TW thông báo về việc bệnh nhân Bùi Văn L đã bỏ trốn khỏi bệnh viện.

Ngày 21/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/QĐ-VKS-P1 đối với Bùi Văn L, đồng thời có công văn số 41/VKS-P1 ngày 21/01/2021 yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng ra Quyết định truy nã Bùi Văn L. Ngày 31/3/2021, Bùi Văn L bị bắt tại địa bàn huyện Thủy Nguyên, cùng 01

xe ô tô BKS: 15A-500.06 và một số giấy tờ, tài sản cá nhân khác; L thừa nhận về nhân thân, lai lịch của mình và khai nhận đã phẫu thuật chuyển đổi giới tính từ nam sang nữ.

Tại Bản kết luận giám định số 21/KLGD(ĐV)-PC09 ngày 31/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *Vân tay thu giữ của đối tượng bị bắt trùng khớp với vân tay của Bùi Văn L lưu tại Tầng thư Căn cước căn phạm và Tầng thư Căn cước công dân.*

Tại Bản kết luận giám định pháp y về chuyển giới số 319/2021/TgT ngày 30/7/2021 của Trung tâm pháp y thành phố Hải Phòng kết luận: *Đối tượng Bùi Văn L đã phẫu thuật chuyển giới từ nam sang nữ; đã phẫu thuật cắt bỏ bộ phận sinh dục nam, tạo hình giống bộ phận sinh dục nữ; đã phẫu thuật nâng mũi, nâng ngực, nâng mông; nối tóc, xăm lông mày, môi, bọc răng hàm sứ hai hàm; phẫu thuật chỉnh thanh.*

Xác minh tại Sở tư pháp thành phố Hải Phòng thì Bùi Văn L không đăng ký, xin phép để thay đổi giới tính hay thông báo với Sở tư pháp sau khi phẫu thuật thay đổi giới tính và cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi giới tính.

Quá trình điều tra, Bùi Văn L khai nhận: Bùi Thị L là chị gái ruột của L, Nguyễn Thị H là bạn gái của cháu L. Khoảng sáng ngày 06/9/2007 L đi từ Móng Cái, Quảng Ninh về Hải Phòng để lấy tiền khách đặt cọc mua sắt vụn và gặp L mượn chìa khóa vào nhà L ở Đồng Mát, Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng để tắm. Khi gặp nhau, L hỏi vay tiền của L số tiền 10.000.000 đồng để nhập điện thoại bán và L đồng ý. Đến tối cùng ngày, L gọi điện báo L cầm hộ L túi quần áo để ở trên ghế trong nhà L đưa cho L rồi L sẽ đưa tiền cho L vay. L và Nguyễn Xuân S về nhà lấy túi nilon trong có quần áo, thuốc lá loại Vina cầm đến quán café ở Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng (L không nhớ tên quán) đưa cho L. Khi đến nơi, L gặp L đứng ở rìa đường và S cầm túi đồ đưa cho L. Khi L vừa nhận túi đồ thì bị bắt. Sau đó L bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đi L1g thang tại nhiều nơi ở Hải Phòng và Quảng Ninh để nghe ngóng tình hình. Đến năm 2012, L bị tai nạn giao thông được gia đình đưa đi điều trị tại Bệnh viện tâm thần Hải Phòng. Vợ L là Nguyễn Thị Huệ đã làm đơn xin cho L được đầu thú và tiếp tục chữa bệnh. Sau đó L được chuyển đi chữa bệnh tại Viện pháp y tâm thần trung ương cho đến năm 2013 L bỏ trốn khỏi bệnh viện. Năm 2020 L đã phẫu thuật tại các bệnh viện khác nhau để chuyển giới tính từ nam sang nữ và lấy tên mới là Bùi Phương L1 và ăn mặc quần áo nữ lấy thân phận nữ giới. Ngày 31/3/2021, L bị cơ quan Công an phát hiện và bắt giữ. L không thừa nhận việc mua bán trái phép chất ma túy như các đối tượng trong vụ án đã khai ở trên. Về viên nén có thành phần MDMA thu giữ khi khám xét tại nhà Bùi Văn L là thuốc kích dục nam để L sử dụng phục vụ sinh hoạt tình dục, L hiện tại không nhớ rõ nguồn gốc viên thuốc này và không biết là ma túy.

Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập ghi lời khai đối với Bùi Thị L, L khai nhận: Do thời gian diễn việc Mua bán trái phép chất ma túy đã xảy ra từ năm 2007, hiện tại cũng đã lâu nên L không còn nhớ được nội D sự việc để khai báo lại với cơ quan điều tra. Tuy nhiên, L khai toàn diễn biến sự việc trước đây đã khai với cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa xét xử đối với L là tự nguyện là đúng sự thật, không bị ép buộc. Tại các lời khai trên, L đã khai nhận rõ về hành vi phạm tội của L và của L như đã nêu trên.

Đối với Phạm Thị D, Nguyễn Thị H hiện đã thi hành án xong nhưng đều không có mặt tại địa phương, gia đình không xác định được hiện nay các đối tượng đang ở đâu nên không ghi lại được lời khai các đối tượng. Tuy nhiên, trước đây trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa xét xử các bị cáo, các đối tượng trên đã khai nhận rõ về hành vi phạm tội của mình cũng như hành vi, vai trò của L trong vụ án trên.

Ngoài ra đối tượng Nguyễn Xuân S, hiện Cơ quan điều tra đã ghi lại lời khai, S vẫn khẳng định lời khai trước đây của S là đúng sự thực, tại thời điểm diễn ra vụ án, mặc dù S không biết các đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng toàn bộ diễn biến hành vi khách quan như sự có mặt của các đối tượng, hành vi của các đối tượng trong đó có L phù hợp với lời khai của các đối tượng khác trong vụ án.

*Về vật **chứng**:*

+ 08 điện thoại di động; 01 thẻ ngân hàng mang tên Bùi Văn L, 01 CCCD số: 031071000495 (bản sao), 01 sổ hộ khẩu số 280440692 (bản sao), 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 61/2020/UBND - XNTTHN, 01 Chứng minh nhân dân số 030952524 đều mang tên Bùi Văn L ; 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh số 38707, 03 (ba) đồng hồ đeo tay, Số tiền 755.000 (Bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng) và một số giấy tờ, đồ vật khác - chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

+ 02 dây kim loại màu vàng dạng lắc đeo tay; 01 dây chuyền màu vàng dạng dây đeo cổ, có treo nhiều hình mặt kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng đã được giám định và niêm phong lại gửi tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng;

+ Đối với chiếc xe ô tô BKS: 15A-500.06 tạm giữ của Bùi Văn L là xe của L mua trả góp vay vốn ngân hàng và đã uỷ quyền cho anh trai là Bùi Xuân H, sinh năm 1960, trú tại: Thôn Trại, Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng đại diện cho L làm việc với Ngân hàng để giải quyết hợp đồng vay vốn ngân hàng liên quan đến xe ô tô BKS: 15A - 500.06. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với đại diện ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) và đại diện gia đình bị cáo là ông Bùi Xuân H để giải quyết tài sản bị tạm giữ của L là chiếc xe ô tô BKS: 15A-500.06; thống nhất phương án Cơ quan điều tra sẽ trả chiếc xe trên cho ngân hàng VIB, ông H sẽ kết hợp với ngân hàng VIB để làm các thủ tục liên quan để giải quyết, xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản Cáo trạng số 157/CT-VKS-P1 ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố Bùi Văn L (tên gọi khác là Bùi Phương L1) về tội *Mua bán trái phép chất ma túy* quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm e khoản 3 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bùi Văn L từ 16 năm tù đến 17 năm tù về tội *Mua bán trái phép chất ma túy* (tính trừ cho bị cáo thời hạn bắt buộc chữa bệnh); phạt tiền bị cáo 10 triệu đến 20 triệu đồng; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

+ Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn L không có ý kiến tranh luận về tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo bị khuyết tật về giới tính, bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; nhân thân tốt; tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; để cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa.

+ Bị cáo không phản đối nội D bản cáo trạng nhưng khai không nhớ rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phần lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra ban đầu đã không tuân thủ đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự; sau khi có thông báo của Bệnh viện Tâm thần Trung ương (nơi bị cáo đang bắt buộc chữa bệnh) về việc Bùi Văn L bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã không phục hồi lại vụ án đang tạm đình chỉ để truy nã bị can bỏ trốn theo đúng qui định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi bỏ trốn khỏi bệnh viện, bị cáo trở về sinh sống ngay tại địa phương làm ăn lương thiện, không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Mặt khác, qua rà soát hồ sơ Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã tự phát hiện và khắc phục đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy chỉ cần rút kinh nghiệm đối với Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và Kiểm sát viên về vi phạm trên.

[2] Sau khi vụ án được phục hồi, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh và khung hình phạt:

[3] Tại phiên tòa bị cáo khai không nhớ một số tình tiết của vụ án nhưng không phản đối nội D cáo trạng. Xét vụ án xảy ra đã lâu, sau đó bị cáo lại bị tai nạn chấn thương sọ não dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên việc không thể nhớ lại toàn bộ tình tiết vụ án là phù hợp. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, phù hợp với lời khai của các đồng phạm khác đã bị xét xử; phù hợp với lời khai của những người làm chứng; bản kết luận giám định; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét công khai tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Bùi Văn L (tên gọi khác là Bùi Phương L1) đã cùng các đối tượng Phạm Thị D, Bùi Thị L và Nguyễn Thị H có hành vi mua bán trái phép 189,02 gam chất ma túy MDMA vào khoảng 22 giờ phút ngày 06/9/2007, tại thôn Phù Liễn, xã Thủy S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã cấu thành tội *Mua bán trái phép chất ma túy*.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi *Mua bán trái phép chất ma túy* trước thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực). Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Viện kiểm sát nhân thành phố Hải Phòng truy tố và đề nghị xét xử bị cáo về tội *Mua bán trái phép chất ma túy* theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng qui định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trị an xã hội ở địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Ma túy là hiểm họa toàn cầu và cũng là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người khuyết tật về giới tính và từng bị thương tích nặng do tai nạn dẫn đến bị bệnh tâm thần phải điều trị lâu dài nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề

ngiht cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ *người phạm tội bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi* qui định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở, bởi lẽ: Sau khi phạm tội bị cáo mới bị bệnh tâm thần nhưng đã được điều trị ổn định từ năm 2013.

- *Về quyết định hình phạt:*

[8] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt. Trong số 04 người đồng phạm tham gia vụ án bị cáo L giữ vai trò thấp hơn Phạm Thị D, ngang với Bùi Thị L và cao hơn Nguyễn Thị H. Xét bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ; sau khi gây án, bị cáo bị mắc bệnh tâm thần do chấn thương sọ não, đến mức phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; bị cáo bị khuyết tật về giới tính bẩm sinh, rất nhiều năm chịu sự kỳ thị của cả gia đình và xã hội; hiện đã phải thực hiện nhiều ca phẫu thuật thay đổi giới tính từ nam sang nữ nên rất cần tiếp tục chăm sóc thêm về y tế và tâm lý. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt ngang với Bùi Thị L là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[9] Quá trình điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc số 01/QĐ-VKS-P2 ngày 11/6/2012 đối với Bùi Văn L tại Bệnh viện tâm thần Trung ương từ ngày 15/6/2012. Đến ngày 23/12/2013 Viện giám định pháp y tâm thần TW thông báo về việc bệnh nhân Bùi Văn L đã bỏ trốn khỏi bệnh viện từ ngày 22/12/2013. Căn cứ điều 49 Bộ luật Hình sự, khi thụ hình cần tính trừ cho bị cáo thời gian bị áp dụng biện pháp chữa bệnh từ ngày 15/6/2012 đến ngày 22/12/2013.

[10] Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng vì vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên cũng cần xem xét, hoàn cảnh bị cáo từng mắc bệnh, sức khỏe bị ảnh hưởng do phẫu thuật nhiều lần, hiện đã ngoài 50 tuổi vẫn đang sống một mình, không có nghề nghiệp ổn định và tài sản riêng có giá trị nên chỉ cần phạt tiền bị cáo theo mức khởi điểm mà Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

- *Về xử lý vật chứng:*

[11] Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và các vật chứng khác liên quan đến vụ án đều đã được giải quyết tại Bản án số 104/2008/HSST ngày 25/7/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với các tài sản, giấy tờ của bị cáo bị thu giữ sau khi bị bắt đều không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo xin được trả lại các giấy tờ, tài sản của mình và đồng ý ủy quyền cho anh trai là ông Bùi Xuân H, sinh năm: 1960, trú tại: Thôn Trại, Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải

Phòng thay mặt bị cáo nhận lại các tài sản trên. Ông H cũng đồng ý nhận các tài sản trên và cam kết sẽ nộp tiền phạt và tiền án phí thay cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy việc trả lại các tài sản đã thu giữ của bị cáo là phù hợp với qui định của pháp luật.

[12] Đối với chiếc xe ô tô BKS: 15A-500.06 tạm giữ của Bùi Văn L mua trả góp vay vốn ngân hàng, quá trình điều tra xác định là tài sản đứng tên Bùi Văn L, không liên quan đến tội phạm. L đã uỷ quyền cho ông Bùi Xuân H làm việc với ngân hàng để giải quyết hợp đồng vay vốn ngân hàng liên quan đến xe ô tô BKS: 15A - 500.06. Cơ quan điều tra đã cùng với ông H trả chiếc xe trên cho ngân hàng VIB để xử lý tài sản thế chấp là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[13] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm e khoản 3 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, **Điều 49** Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bùi Văn L (tên gọi khác là Bùi Phương L1) 16 (mười sáu) năm tù về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2021; khi thụ hình tính trừ cho bị cáo thời gian bị áp dụng biện pháp chữa bệnh từ ngày 15/6/2012 đến ngày 22/12/2013; phạt tiền bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo các tài sản (do ông Bùi Xuân H đại diện nhận thay) gồm:

+ 01 thẻ ngân hàng số 4200030000987252 mang tên Bùi Văn L; 01 giấy ra viện mang tên người bệnh Nguyễn Hải Anh; 01 CCCD số: 031071000495 mang tên Bùi Văn L (bản sao); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi thông tin bên chuyển nhượng Nguyễn Văn Huân, bên nhận chuyển nhượng Bùi Văn L; 01 giấy xác nhận của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam quản lý giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 15A0500.06; 01 đơn đặt hàng mang tên khách hàng là Phương L1; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS chủ xe ô tô số 2001369693 mang tên Nguyễn Văn Huân; 01 hộ chiếu mang số PTA 0346337A; 01 chứng minh nhân dân số 030952524 mang tên Bùi Phương L1; 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh số 38707; 01 giấy chứng nhận đá quý số LIVLB D1735.

+ 06 chìa khóa bằng kim loại màu trắng; 03 chìa khóa điện tử dạng khóa cửa cuốn; 01 chìa khóa điện tử dạng chìa khóa moto; 01 đầu Camera nhãn hiệu VIETWAP, Imei 352538104832284; 01 đầu USB nhãn hiệu kington D lượng 35G

có số 05655-313; 01 thẻ nhớ của Camera hành trình của xe ô tô nhãn hiệu Sandisk D lượng 32G; 03 đồng hồ đeo tay; 01 ví giả da.

+ 06 điện thoại di động trong phong bì niêm phong gồm: 01 điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Samsung có số Imei 1:359447098633233/01 và Imei 2: 359448098933231/01; 01 điện thoại di động màu trắng vàng kiểu dáng Iphone màu vàng trắng có số Imei: 354378063760435; 01 điện thoại di động màu đen kiểu dáng Iphone có số Imei: 359219075972235; 01 điện thoại di động màu trắng kiểu dáng Iphone có số Imei 1: 358739092152702 và Imei 2: 358739092007542; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung có số Imei: 357156080378697/01; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen có số Imei 353101110939450; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mã số 8200 có số Imei: 351345/40/576669/6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mã số MP4 (không xác định được số Imei).

+ Số tiền mặt 775.000 (Bảy trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng).

(Vật chứng và tiền ở trên được lưu giữ theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 01/10/2021 và ủy nhiệm chỉ ngày 06/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng)

+ 02 dây kim loại màu vàng dạng lắc đeo tay; 01 dây chuyền màu vàng dạng dây đeo cổ, có treo 08 hình mặt kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng. (Được lưu giữ theo phiếu nhập kho kèm bảng kê nhập tài sản quý lập hồi 14 giờ 46 phút 18 giây ngày 26/7/2021 tại Kho bạc nhà nước thành phố Hải Phòng)

- *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- *Về quyền yêu cầu thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Phòng KTNV và THA TAND TP. Hải Phòng;
- UBND cấp xã (nơi BC cư trú);
- Lưu: VT, HS.

Đặng Minh Hạnh